

Số: 355/ĐA-LTT-KHTC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2018

ĐỀ ÁN

Sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết

I. Cơ sở thực hiện đề án:

1. Cơ sở pháp lý:

- Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
- Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- Căn cứ Thông tư 144/2017 ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

2. Cơ sở thực tiễn để lập dự án

2.1. Chức năng, nhiệm vụ của Trường

a. Chức năng đào tạo

Chuyên đào tạo nguồn nhân lực có uy tín và chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội, của doanh nghiệp và góp phần phục vụ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Thành phố Hồ Chí Minh và cả nước.

Kết hợp đào tạo với thực hiện nghiên cứu và chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học về lĩnh vực đào tạo nghề nghiệp và công nghệ kỹ thuật cho xã hội.

b. Nhiệm vụ

Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp phù hợp, đáp ứng nhu cầu của xã hội, có khả năng hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp, tự tạo được việc làm cho mình và cho xã hội.

Thực hiện dân chủ, bình đẳng, công khai trong việc bố trí và thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, khoa học và công nghệ do các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao; kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học, triển khai nghiên cứu khoa học; phát triển và chuyển

giao công nghệ, thực hiện các loại hình dịch vụ khoa học, công nghệ và sản xuất; sử dụng có hiệu quả kinh phí đầu tư phát triển khoa học và công nghệ theo quy định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Tổ chức cho giảng viên, cán bộ, nhân viên và người học tham gia các hoạt động xã hội phù hợp với ngành nghề đào tạo. Chăm lo đời sống và bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của cán bộ, giảng viên Nhà trường.

2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy của đơn vị

a. Số liệu tổ chức

*** Cơ cấu tổ chức**

Bộ máy tổ chức của trường được phân thành 3 cấp: Trường (Ban Giám hiệu); Phòng/Khoa/Trung tâm/ Tổ trực thuộc trường, Tổ chuyên môn.

Cấp trường điều hành và quản lý toàn bộ các hoạt động của nhà trường. Cấp khoa, phòng, Trung tâm và Tổ trực thuộc trường làm nhiệm vụ tổ chức, triển khai các hoạt động quản lý, đào tạo, NCKH và phục vụ. Tổ chuyên môn phụ trách các công việc chuyên môn và thực hiện các mảng công việc cụ thể được phân công.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, cơ cấu tổ chức của trường đã được điều chỉnh phù hợp với chức năng và nhiệm vụ đào tạo. Cơ cấu tổ chức của trường đã được cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, ban hành theo Quyết định số 72/QĐ-LTT-TC ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, việc phân cấp quản lý, trách nhiệm, quyền hạn và nhiệm vụ của từng đơn vị, người đứng đầu các đơn vị và cán bộ, GV, nhân viên trong trường đã được quy định cụ thể.

- Ban Giám hiệu: 04 người

- Đơn vị trực thuộc: 22 đơn vị

- + 08 phòng chức năng: Phòng Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp; Phòng Kế hoạch – Tài chính; Phòng Tuyển sinh – Đào tạo; Phòng Thiết bị – Vật tư; Phòng Công tác Chính trị – Học sinh Sinh viên; Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; Phòng Quản trị – Dịch vụ.

- + 09 khoa: Khoa Lý luận Chính trị; Khoa Khoa học cơ bản; Khoa CN Điện – Điện tử; Khoa CN Động lực; Khoa CN Cơ khí; Khoa CN thông tin; Khoa CN May – Thời trang; Khoa CN Nhiệt – Lạnh; Khoa Kinh tế.

- + 04 trung tâm: Trung tâm Truyền thông – Thư viện; Trung tâm Đào tạo Lý Tự Trọng; Trung tâm Quan hệ doanh nghiệp; Trung tâm Y tế.

- + 01 đơn vị trực thuộc khác: Tổ Thanh tra – Pháp chế.

*** Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên**

Tổng số CB-GV-NV hiện nay của trường là 332 người, trong đó:

• Biên chế: 269 (Ban Giám hiệu 04; Trưởng, phó phòng khoa, trung tâm, tổ trực thuộc 37; GV 165; Nhân viên 63). Tỷ lệ GV 75%, nhân viên 25%.

- Nhân viên hợp đồng: 63
- Đội ngũ GV: 244
- Giảng viên cơ hữu : 180
- Giảng viên hợp đồng thỉnh giảng : 42
- Giảng viên kiêm chức : 22

Trình độ chuyên môn:

- Giảng viên cơ hữu và GV kiêm chức: Sau đại học 131 người, (Tiến sĩ 04, NCS 10, Thạc sĩ 127), Đại học 70, Cao đẳng 01.
- Giảng viên thỉnh giảng: Tiến sĩ 02, Thạc sĩ 19, Đại học 21

Tỷ lệ GV có trình độ sau đại học 62.29%.

- Cán bộ, nhân viên biên chế và hợp đồng : Sau đại học 02, Đại học 47, Cao đẳng 20, TCCN 20, Trình độ khác 31.
- Trình độ ngoại ngữ của đội ngũ GV: 174/202 GV đạt chuẩn ngoại ngữ, tỉ lệ 86.14%; trong đó 153/202 GV đạt chuẩn khung năng lực Tiếng Anh (chứng chỉ hoặc tương đương trình độ A1-2, B1-2, C1, tham chiếu theo bảng khung năng lực Tiếng Anh của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Trình độ tin học của đội ngũ GV: 26/202GV đạt trình độ IC3, trong đó có 05 GV được cấp chứng chỉ hoàn thành khóa học phương pháp giảng dạy đào tạo trình độ IC3; 188 GV có trình độ B, A, tin học căn bản, tin học văn phòng.

b. Tổ chuyên môn

Tổ chuyên môn thuộc khoa là đơn vị cơ sở về đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ của trường cao đẳng, chịu trách nhiệm về học thuật trong các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ. Nhà trường đã thành lập 23 tổ chuyên môn thuộc các khoa của nhà trường để hỗ trợ công tác đào tạo của khoa và nhà trường, cụ thể:

- Khoa Lý luận Chính trị: 03 tổ chuyên môn
- Khoa Khoa học cơ bản: 03 tổ chuyên môn
- Khoa CN Điện – Điện tử: 03 tổ chuyên môn
- Khoa CN Động lực: 03 tổ chuyên môn

- Khoa CN Cơ khí: 03 tổ chuyên môn
- Khoa CN thông tin: 03 tổ chuyên môn
- Khoa CN May – Thời trang: 02 tổ chuyên môn
- Khoa CN Nhiệt – Lạnh: 03 tổ chuyên môn

c. Học sinh Sinh viên

Trường chất lượng cao trong Quyết định 761/QĐ-TTg về quy mô đào tạo tối thiểu 2.000 HS-SV, năm học 2017-2018 Nhà trường tuyển được 6.742 HS-SV, nâng quy mô đào tạo hiện tại gồm hai hệ giáo dục chuyên nghiệp và giáo dục nghề nghiệp lên đến 10.715 HS-SV.

Trong hai năm 2015 và 2016, qua thống kê của Nhà trường về công tác giới thiệu việc làm cho HS-SV sau tốt nghiệp và khảo sát từ các doanh nghiệp, số lượng HS-SV sau tốt nghiệp có việc làm đúng ngành nghề đào tạo đạt tỷ lệ trên 90%, thực tế những năm gần đây chất lượng đào tạo của Nhà trường được doanh nghiệp đánh giá rất cao, vì vậy khi học sinh chuẩn bị tốt nghiệp đã được doanh nghiệp nhận về thực tập và tiếp nhận vào làm ngay sau khi HS-SV tốt nghiệp.

Hiện tại, chuẩn đầu ra của HS-SV đào tạo tại Nhà trường trình độ cao đẳng chuyên nghiệp và trung cấp chuyên nghiệp theo chuẩn quy định của Nhà trường được công bố (tương đương trình độ bậc 3/5 và 2/5 tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia).

Về trình độ tin học của HS-SV sau tốt nghiệp: Hiện tại 100% HS-SV tốt nghiệp đạt trình độ chứng chỉ A quốc gia. Kế hoạch năm học 2017-2018, Nhà trường xây dựng chương trình đào tạo tin học trình độ IC3 đưa vào giảng dạy để đảm bảo học sinh-sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn tin học.

Về trình độ ngoại ngữ của HS-SV sau tốt nghiệp: Hiện tại 100% HS-SV tốt nghiệp đạt trình độ A2 hoặc trình độ chứng chỉ B quốc gia.

2.3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị trong 3 năm gần nhất và kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

a. Kết quả 3 năm gần nhất đạt cụ thể như sau:

Hoàn thành tốt các mục tiêu, kế hoạch đề ra.

Chương trình đào tạo xây dựng đúng theo quy định, có sự tham gia của GV, cán bộ quản lý, tham khảo chương trình của các trường đại học, CĐ uy tín và phản hồi từ các phiếu tham khảo ý kiến và phiếu khảo sát năng lực của các cơ quan xí nghiệp.

Học sinh-sinh viên ra trường đảm bảo đạt 100% chuẩn đầu ra theo quy định đào tạo của ngành, Nhà trường.

Thống kê HS-SV ra trường có việc làm đúng nghề đào tạo:

TT	NGÀNH	HỆ CAO ĐẲNG (%)	HỆ TRUNG CẤP (%)
1	Cơ khí	87	89
2	Động lực	84	86
3	Nhiệt lạnh	85	87
4	Điện-Điện tử	90	95
5	Công nghệ thông tin	84	85
6	May	85	86

b. Kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo:

- Hoàn thiện cơ sở vật chất tại cơ sở 1, đảm bảo đủ điều kiện phù hợp quy mô đào tạo của Nhà trường 10.000HS/năm, đầu tư xây dựng phòng học, xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, giảng đường, thiết bị dạy thực hành đạt chuẩn khu vực, quốc gia.

- Cập nhật, biên soạn chương trình, giáo trình được công nhận cấp quốc gia. 100% nghề đào tạo đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo, trong đó có 09 nghề trọng điểm đạt chuẩn quốc gia, chuẩn khu vực và chuẩn quốc tế.

- Đảm bảo đủ số lượng GV đạt chuẩn. Đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, sư phạm, kỹ năng nghề, kỹ năng quản lý nghề, ngoại ngữ, tin học cho GV, cán bộ quản lý, giảng dạy cấp độ chuẩn quốc gia, khu vực.

- Vận hành hệ thống quản lý, đảm bảo chất lượng TCVN ISO 9001:2015 theo mô hình khung của Tổng cục Dạy nghề năm 2014.

- Phần đầu đạt cấp độ 3 tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường CĐ nghề (Quyết định số 02/2008/QĐ-BLĐXH ngày 17/01/2008).

- 90% HSSV tốt nghiệp có việc làm đúng nghề được đào tạo trong vòng 6 tháng kể từ khi ra trường.

- Kế hoạch tuyển sinh 3 năm tiếp theo:

Năm	Số liệu tuyển sinh			Qui mô đào tạo
	Tổng cộng	Hệ cao đẳng	Hệ trung cấp	
2018	5.100	3.750	1.350	10.200
2019	6.000	4.000	2.000	12.000
2020	6.500	4.200	2.300	13.000
CỘNG	17.600	11.950	5.650	35.200

3. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị

a) Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị theo các nhóm tài sản:

- Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất.

(Danh mục trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp gắn liền với đất theo Mẫu 01-DM/ĐVSN đính kèm)

- Quyền sử dụng đất thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

+ Tổng diện tích đất đang sử dụng: 50.646,6 m².

+ Mục đích sử dụng: sử dụng phục vụ hoạt động theo mục tiêu chung của nhà trường.

(Đính kèm theo quyết định số 2897/QĐ-UBND ngày 02 tháng 07 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về công nhận quyền sử dụng đất giáo dục và đào tạo cho Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh tại số 390 Hoàng Văn Thụ, Phường 4, Quận Tân Bình và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Trường Cao Đẳng Kỹ Thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

- Xe ô tô và phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị

(Danh mục xe ô tô và phương tiện vận tải khác theo Mẫu 02-DM/ĐVSN đính kèm).

- Quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu

(Danh mục tài sản quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu theo Mẫu 03-DM/ĐVSN đính kèm).

- Tài sản khác

(Danh mục tài sản khác theo Mẫu 04-DM/ĐVSN đính kèm).

- Tài sản tồn đọng chờ thanh lý



(Danh mục tài sản không cần dùng, tồn đọng, chờ thanh lý theo Mẫu 05-DM/ĐVSN đính kèm).

b) Tài sản đang sử dụng vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết (nếu có)

Hiện nay, tài sản công tại Nhà trường được sử dụng đúng mục đích được giao, được đầu tư xây dựng, mua sắm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

Nhà trường đang sử dụng tài sản trong thời gian nhân rồi, chưa sử dụng hết công suất để cho thuê, liên doanh, liên kết nhưng vẫn đảm bảo thẩm quyền cho phép, không ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ Nhà nước giao, phát huy công suất và hiệu quả sử dụng tài sản nhà nước đồng thời còn phục vụ các nhu cầu thiết yếu cho giáo viên, cán bộ - nhân viên, Học sinh - sinh viên nhà trường, cụ thể:

- *Chủng loại, số lượng, nguyên giá, thời hạn sử dụng tài sản, phương án sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết:*

ĐVT: đồng

STT	Tên tài sản	Phương thức sử dụng tài sản	Số lượng (Quy đổi theo m2 đất sử dụng)	Đơn giá / m ² (Theo công văn số 9737/CTC-SC ngày 07/12/2017)	Nguyên giá	Thời hạn sử dụng
1	Đất	Cho thuê mặt bằng căn tin	675	37.752.000	25.490.150.400	Khi nhà trường có kế hoạch, nhu cầu sử dụng sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.
2	Đất	Cho thuê mặt bằng giữ xe máy, xe đạp	1.339	37.752.000	50.549.928.000	Khi nhà trường có kế hoạch, nhu cầu sử dụng sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.
3	Đất	Cho thuê mặt bằng sân bóng đá	7.696	37.752.000	290.539.392.000	Khi nhà trường có kế hoạch, nhu cầu sử dụng sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.



STT	Tên tài sản	Phương thức sử dụng tài sản	Số lượng (Quy đổi theo m2 đất sử dụng)	Đơn giá / m ² (Theo công văn số 9737/CTC-SC ngày 07/12/2017)	Nguyên giá	Thời hạn sử dụng
4	Đất	Liên kết đặt máy rút tiền ATM	6,8	37.752.000	256.713.600	Khi nhà trường có kế hoạch, nhu cầu sử dụng sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.
5	Đất	Cho thuê mặt bằng photocopy	52	37.752.000	1.963.104.000	Khi nhà trường có kế hoạch, nhu cầu sử dụng sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng
6	Đất	Cho thuê mặt bằng giữ xe ô tô	5.065	37.752.000	191.198.779.200	Khi nhà trường có kế hoạch, nhu cầu sử dụng sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng
7	Đất	Cho thuê phòng học	48	37.752.000	1.812.096.000	Khi nhà trường có kế hoạch, nhu cầu sử dụng sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng
8	Đất	Cho thuê ký túc xá	1582,7	37.752.000	59.750.090.400	Khi có kế hoạch xây dựng, sửa chữa hoặc sử dụng.

- Kết quả của việc sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết của 03 năm liền trước năm xây dựng đề án:

ĐVT: đồng

HÌNH THỨC SỬ DỤNG TÀI SẢN	NĂM 2015	NĂM 2016	NĂM 2017
I. Thu hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ	2.592.007.000	3.235.970.000	4.850.815.000
1. Cho thuê mặt bằng căn tin	255.500.000	224.000.000	206.000.000
2. Cho thuê mặt bằng giữ xe máy, xe đạp	500.000.000	500.000.000	500.000.000
3. Cho thuê mặt bằng sân bóng đá		120.000.000	520.000.000
4. Liên kết đặt máy rút tiền ATM	60.000.000	60.000.000	75.000.000
5. Cho thuê mặt bằng photocopy	42.200.000	65.000.000	55.000.000
6. Cho thuê mặt bằng giữ xe ô tô	964.197.000	1.269.885.000	1.719.320.000
7. Cho thuê phòng học, hội trường	38.610.000	144.660.000	27.000.000
8. Cho thuê ký túc xá	731.500.000	852.425.000	1.748.495.000
II. Chi hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ	2.592.007.000	3.235.970.000	4.850.815.000
1. Nộp ngân sách nhà nước	200.680.700	255.403.000	345.201.900
2. Chi phí hoạt động	2.391.326.300	2.980.567.000	4.505.613.100
III. Nguồn thu sự nghiệp	71.713.582.701	91.091.569.200	125.158.803.643
1. Nguồn thu phí, lệ phí của đơn vị	22.180.838.701	34.718.740.200	58.651.960.643
2. Nguồn ngân sách nhà nước cấp	49.532.744.000	56.372.829.000	66.506.843.000
Tỷ trọng doanh thu/ tổng nguồn thu sự nghiệp	11,69%	9,32%	8,27%
IV. Nguồn chi sự nghiệp	70.002.352.490	88.045.819.420	117.128.199.909
1. Nguồn chi phí, lệ phí của đơn vị	21.339.791.951	30.284.401.897	53.230.198.409
2. Nguồn chi ngân sách nhà nước cấp	48.662.560.539	57.761.417.523	63.898.001.500
Tỷ trọng tiền NSNN cấp/ tổng chi	70,76%	64,03%	56,78%

4. Phương án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết.

a) Phương án sử dụng tài sản công tại đơn vị:

- Sự cần thiết của việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết:

Xuất phát từ thực tế tại đơn vị là tài sản được giao, được đầu tư xây dựng, mua sắm để thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao nhưng chưa sử dụng hết công suất kèm theo đó là nhu cầu đáp ứng các nhu cầu thiết yếu hàng ngày của Học sinh - sinh viên, giáo viên, cán bộ - nhân viên tại trường.

Hiện nay, dựa vào quỹ đất còn trống, Nhà trường đã liên kết với các đơn vị bên ngoài để cho thuê căn tin, bãi giữ xe đạp, xe gắn máy cho giáo viên, cán bộ - nhân viên trường và Học sinh - sinh viên, mặt bằng photocopy, mặt bằng sân bóng đá, bãi giữ xe ô tô, liên kết với ngân hàng đặt các trụ ATM và cho thuê phòng học còn trống. Những hoạt động này góp phần tăng thêm nguồn thu cho quỹ phúc lợi nhà trường bên cạnh đó đã đáp ứng được nhu cầu của giáo viên, cán bộ - nhân viên và Học sinh - sinh viên về vật chất cũng như đảm bảo về yếu tố tinh thần, tạo sân chơi bổ ích và lành mạnh.

Tất cả các tài sản sử dụng cho mục đích cho thuê đều được quy định rõ ràng và thống nhất bằng văn bản, nếu có phát sinh việc đầu tư xây dựng đều xin ý kiến từ các cấp trên để đảm bảo các yêu cầu quy định theo Luật quản lý, sử dụng tài sản công: Không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ do Nhà nước giao; Không làm mất quyền sở hữu về tài sản công; bảo toàn và phát triển vốn, tài sản Nhà nước giao; Sử dụng tài sản đúng mục đích được giao, được đầu tư xây dựng, mua sắm; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; Phát huy công suất và hiệu quả sử dụng tài sản; Tính đủ khấu hao tài sản cố định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác với Nhà nước theo quy định của pháp luật; Thực hiện theo cơ chế thị trường và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

- Tài sản sử dụng vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết:

ST T	Tài sản sử dụng	Phương thức sử dụng tài sản	Số lượng (Quy đổi theo m ² đất sử dụng)	Đơn giá / m ²	Nguyên giá	Tỷ lệ nguyên giá / tổng nguyên giá tài sản đang quản lý	Phương án sử dụng đất	Mục đích
1	Đất	Cho thuê mặt bằng căn tin	675	37.752.000	25.490.150.400	1,33%	Nhà trường ký hợp đồng cho thuê mặt bằng với bên đi thuê theo diện tích đất cụ thể và được sự đồng thuận của hai bên.	Đáp ứng nhu cầu ăn uống, nghỉ ngơi của cán bộ nhân viên và học sinh sinh viên.
2	Đất	Cho thuê mặt bằng giữ xe máy, xe đạp	1.339	37.752.000	50.549.928.000	2,64%	Nhà trường ký hợp đồng cho thuê mặt bằng với bên đi thuê theo diện tích đất cụ thể và được sự đồng thuận của hai bên.	Đáp ứng nhu cầu giữ xe của học sinh sinh viên tại trường

3	Đất	Cho thuê mặt bằng sân bóng đá	7.696	37.752.000	290.539.392.000	15,20%	Nhà trường ký hợp đồng cho thuê mặt bằng với bên đi thuê theo diện tích đất cụ thể và được sự đồng thuận của hai bên. Việc xây dựng đã được cấp phép của Sở giáo dục đào tạo.	Đáp ứng nhu cầu học tập thể dục thể chất cho HSSV, tạo môi trường vui chơi, giải trí cho cán bộ nhân viên, HSSV
4	Đất	Liên kết đặt máy rút tiền ATM	14	37.752.000	513.427.200	0,03%	Nhà trường ký hợp đồng liên kết đặt máy ATM với bên đi thuê theo diện tích đất cụ thể và được sự đồng thuận của hai bên.	Đáp ứng nhu cầu sử dụng của Cán bộ, học sinh sinh viên.
5	Đất	Cho thuê mặt bằng photocopy	52	37.752.000	1.963.104.000	0,10%	Nhà trường ký hợp đồng cho thuê mặt bằng với bên đi thuê theo diện tích đất cụ thể và được sự đồng thuận của hai bên.	Đáp ứng nhu cầu của học sinh- Sinh viên và cán bộ nhân viên nhà trường.
6	Đất	Cho thuê mặt bằng giữ xe ô tô	5.065	37.752.000	191.198.779.200	10,00%	Nhà trường ký hợp đồng cho thuê mặt bằng với bên đi thuê theo diện tích đất cụ thể và được sự đồng thuận của hai bên.	Tận dụng quỹ đất còn trống chưa sử dụng để cho thuê mặt bằng giữ xe ô tô, tăng thêm nguồn thu nhập cho CB-NV
7	Đất	Cho thuê phòng học	720	37.752.000	27.181.440.000	1,42%	Nhà trường ký hợp đồng cho thuê phòng học với bên đi thuê theo diện tích phòng cụ thể và được sự đồng thuận của hai bên.	Tận dụng phòng học còn trống vào buổi tối chưa sử dụng để cho thuê, tăng thêm nguồn thu vào quỹ phúc lợi của nhà trường.
8	Đất	Cho thuê hội trường	1.125	37.752.000	42.471.000.000	2,22%	Nhà trường ký hợp đồng cho thuê hội trường với bên đi thuê theo diện tích cụ thể và sự đồng thuận của hai bên.	Tận dụng hội trường còn trống chưa sử dụng để cho thuê, tăng nguồn thu vào quỹ phúc lợi của nhà trường

9	Đất	Cho thuê ký túc xá	1.583	37.752.000	59.750.090.400	3,12%	Tận dụng phòng học còn trống chưa sử dụng chuyển thành phòng ở ký túc xá, phục vụ nhu cầu ở của sinh viên	Phục vụ nhu cầu ở lại của học sinh, sinh viên.
		Tổng nguyên giá tài sản đang quản lý, sử dụng:			1.912.010.443.200			

- Thời gian thực hiện kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết:

Đơn vị ký hợp đồng cho thuê trong thời gian quy định và sẽ kết thúc khi nhà trường có kế hoạch lấy lại để sử dụng.

- Phương án tài chính của việc kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết:

Số tiền thu được từ việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết được thực hiện theo khoản 2 Điều 55 Nghị định 151/2017/NĐ-CP cụ thể:

- Thực hiện nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách nhà nước: 10%

- Bổ sung và quỹ phúc lợi nhà trường: 25%

- Còn lại chi trả các chi phí liên quan.

b) Đánh giá sơ bộ hiệu quả của phương án kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết:

Việc sử dụng phương án kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết phần nào đã đáp ứng được các nhu cầu thiết yếu hằng ngày của giáo viên, cán bộ - nhân viên, học sinh – sinh viên trong trường, tạo môi trường học tập, làm việc chuyên nghiệp, sân chơi bổ ích.

Tạo thêm nguồn thu cho Trường, sau khi trừ chi phí và nộp thuế theo quy định của nhà nước số dư còn lại dùng để thực hiện cải cách tiền lương, trích lập quỹ phát triển sự nghiệp hỗ trợ ngân sách mua sắm tài sản, sửa chữa cơ sở vật chất thực hiện tốt các nhiệm vụ của nhà trường.

- Dự kiến doanh thu, chi phí, số nộp ngân sách nhà nước, chênh lệch thu chi, tỷ trọng nguồn thu từ việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết trong tổng nguồn thu sự nghiệp của đơn vị:

ĐVT: đồng

HÌNH THỨC SỬ DỤNG TÀI SẢN	NĂM 2018
I. Thu hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ	5.008.722.000
1. Cho thuê mặt bằng căn tin	300.000.000
2. Cho thuê mặt bằng giữ xe máy, xe đạp	500.000.000
3. Cho thuê mặt bằng sân bóng đá	480.000.000
4. Liên kết đặt máy rút tiền ATM	180.000.000
5. Cho thuê mặt bằng photocopy	50.000.000
6. Cho thuê mặt bằng giữ xe ô tô	1.660.722.000
7. Cho thuê phòng học, hội trường	200.000.000
8. Cho thuê Ký túc xá	1.638.000.000
II. Chi hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ	5.008.722.000
1. Nộp ngân sách nhà nước	369.832.200
2. Chi phí hoạt động	4.638.889.800
III. Nguồn thu sự nghiệp	136.026.316.000
1. Nguồn thu phí, lệ phí của đơn vị	56.960.316.000
2. Nguồn ngân sách nhà nước cấp	79.066.000.000
Tỷ trọng doanh thu/ tổng nguồn thu sự nghiệp	3,68%
IV. Nguồn chi sự nghiệp	130.330.284.400
1. Nguồn chi phí, lệ phí của đơn vị	51.264.284.400
2. Nguồn chi ngân sách nhà nước cấp	79.066.000.000
Tỷ trọng tiền NSNN cấp/ tổng chi	60,67%

- Dự kiến số tiền do ngân sách nhà nước cấp và tỷ trọng tiền do ngân sách nhà nước cấp trong tổng dự toán chi hàng năm của đơn vị trong thời gian sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh/cho thuê/liên doanh, liên kết:

ĐVT: đồng

Khoản mục	Năm 2018
- Số tiền do ngân sách nhà nước cấp hàng năm	79.066.000.000
- Tổng dự toán chi hàng năm	130.330.284.400
- Tỷ trọng tiền do ngân sách nhà nước cấp/ tổng dự toán chi hàng năm	60,67%

- Số lượng, chất lượng, mức giá dịch vụ sự nghiệp công dự kiến:

ĐVT: đồng

HÌNH THỨC SỬ DỤNG TÀI SẢN	SL	TỔNG THU DỰ KIẾN/ THÁNG	TỔNG THU DỰ KIẾN/ NĂM
1. Cho thuê mặt bằng căn tin	1	30.000.000	300.000.000
2. Cho thuê mặt bằng giữ xe máy, xe đạp	1	50.000.000	500.000.000
3. Cho thuê mặt bằng sân bóng đá	1	40.000.000	480.000.000

4. Liên kết đặt máy rút tiền ATM	2	10.000.000	120.000.000
5. Cho thuê mặt bằng photocopy	1	5.000.000	50.000.000
6. Cho thuê mặt bằng giữ xe ô tô		140.000.000	1.720.722.000
7. Cho thuê phòng học	11	16.327.273	179.600.000
8. Cho thuê hội trường	2	1.700.000	20.400.000
9. Cho thuê Ký túc xá	1	136.500.000	1.638.000.000

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

- Việc sử dụng tài sản trong thời gian nhân rồi, chưa sử dụng hết công suất đưa vào kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết vừa phục vụ các nhu cầu thiết yếu cho giáo viên, cán bộ - nhân viên, Học sinh - sinh viên Nhà trường, vừa tăng thêm nguồn thu cho quỹ phúc lợi của Nhà trường, giải quyết đời sống cho cán bộ - nhân viên;
- Tài sản sử dụng để kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết, Nhà trường cam kết sẽ đáp ứng các quy định theo Luật quản lý, sử dụng tài sản công, không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính do Nhà nước giao, phát huy công suất, hiệu quả sử dụng tài sản và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí, các nghĩa vụ tài chính khác với Nhà nước theo quy định của pháp luật;
- Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện đề án này kính trình Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT TP.HCM;
- Lưu: VT, P.KH-TC.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc